

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ- ST
Ngày 28/7/2023
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH PHÚ THỌ**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Minh Hòa

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Kiều Công Ích
2. Bà Vương Thị Thu.

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Đinh Thị Thu Hậu- Thư ký của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 28/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2023/TLST- HNGĐ, ngày 01/6/2023 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn D - sinh năm 1986

Trú tại: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tr - sinh năm 1987

Trú tại: Khu 6, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2023 và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là anh Trần Văn D trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Tr quen biết nhau trong thời gian cùng làm công nhân tại tỉnh Bình Dương. Hai người đăng ký kết hôn với nhau ngày 26/12/2008 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, việc kết hôn là tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh ở lại Bình Dương đến năm 2012 thì quay về xã Đ, huyện T sinh sống, được bố mẹ anh cho đất làm nhà ở. Anh và chị Tr phát sinh mâu thuẫn từ khoảng năm 2016 do tính tình không hợp, thường xuyên va chạm, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Từ năm 2018 anh đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài, đến tháng 3/2023 thì về nước. Trước khi anh về nước khoảng nửa tháng, chị Tr đã dọn đồ đạc, đưa 02 con về nhà mẹ đẻ chị Tr ở xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam. Do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị Tr được ly hôn.

* Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt ghi ngày 31/5/2023, bị đơn là chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị và anh Trần Văn D kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký ngày 26/12/2008 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Quá trình

chung sống do không hợp nhau nên nảy sinh mâu thuẫn, đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Anh D xin ly hôn, chị hoàn toàn nhất trí, vì tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay chị đã về sống cùng mẹ đẻ tại tỉnh Hà Nam, do đường xá xa xôi và bận công việc nên chị không đến Tòa án nhân dân huyện T để giải quyết ly hôn được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T giải quyết việc ly hôn vắng mặt chị (Bao gồm toàn bộ các thủ tục: Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án). Trong đơn đề nghị này, chị Tr còn thể hiện rõ ý kiến, quan điểm của mình về các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án, phù hợp với quan điểm, ý kiến của anh D.

- Về con chung: Anh D và chị Tr đều trình bày: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Bình Tr1, sinh ngày 10/4/2011 và Trần Ngọc A, sinh ngày 25/11/2012, hiện nay đang ở với chị Tr. Nếu ly hôn, anh D và chị Tr thỏa thuận chị Tr trực tiếp nuôi cả hai con, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr.

- Về tài sản chung: Anh D và chị Tr trình bày: Vợ chồng có 01 thửa đất số 656, tờ bản đồ số 21, diện tích 260m² (trong đó có 75m² đất ở, 185m² đất lâu năm khác) tại khu 6 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, nguồn gốc đất do bố mẹ anh D cho, đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 472xxx ngày 10/6/2011, tên người sử dụng đất là anh D, chị Tr; trên đất có 01 nhà xây kiểu nhà ống, lợp ngói. Hai bên thỏa thuận: Ly hôn, anh D được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản chung, không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Tr.

- Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có, nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Anh Trần Văn D có đơn ly hôn chị Nguyễn Thị Tr. Chị Tr và anh D đều cư trú tại huyện T, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Chị Nguyễn Thị Tr có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề xét xử vắng mặt chị Tr.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Tr kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký ngày 26/12/2008 tại UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp. Từ năm 2012 vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi vã, cuộc sống không hạnh phúc. Anh D đi xuất khẩu lao động từ năm 2008, đến tháng 3/2023 thì về nước, nhưng từ khi anh D về nước, vợ chồng vẫn ly thân, mỗi người một nơi, không quan tâm tới nhau.

Xét mâu thuẫn giữa anh D và chị Tr đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc hai bên đều đề nghị được ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[2.2]. Về con chung: Anh D và chị Tr có 02 con chung, hiện nay đang ở với chị Tr. Hai bên thỏa thuận sau ly hôn chị Tr trực tiếp nuôi cả hai con là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của các con đều trên 7 tuổi. Chị Tr không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con, nên không cần buộc anh D phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr.

[2.3]. Về tài sản chung : Anh D và chị Tr thỏa thuận anh D được sở hữu toàn bộ tài sản chung, không phải thanh toán chênh lệch cho chị Tr. Thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần công nhận.

[2.4]. Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

[3]. Về án phí: Anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Tr phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, anh D nhận nộp toàn bộ tiền án phí mà hai bên phải chịu là 150.000 đồng. Đề nghị của anh D là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 55; các điều: 58, 59, điểm d khoản 2 Điều 62, các điều: 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn D và chị Nguyễn Thị Tr.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận sau: Chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu: Trần Bình Trọng, sinh ngày 10/4/2011, Trần Ngọc Ánh, sinh ngày 25/11/2012(cả hai cháu đang ở với chị Tr). Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị Tr do chị Tr không yêu cầu.

3. Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận sau: Anh D được sử dụng thửa đất số 656, diện tích 260m², trong đó có 75m² đất ở, 185m² đất lâu năm khác tại khu 6 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 472xxx do UBND huyện T cấp ngày 10/6/2011 cho ông Trần Văn D và bà Nguyễn Thị Tr. Anh D được sở hữu tài sản trên đất là 01 nhà xây kiểu nhà ống, lợp ngói. Anh D không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Tr.

4. Về vay nợ chung, công sức đóng góp và các vấn đề khác: Hai bên xác nhận không có, nên không phải giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Văn D tự nguyện nhận nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số

AA/2020/0003760, ngày 01/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T. Hoàn trả lại cho anh D 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Trần Văn D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Chị Nguyễn Thị Tr vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện, tỉnh;
- Chi cục Thi hành án DS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Thị Minh Hòa